

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản
và Thủy sản Bình Định
Chương: 412

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

06 tháng cuối năm 2024 (01/07/2024 đến ngày 31/12/2024)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	175.000.000	96.950.000	55	87
1	Lệ phí				
2	Phí	175.000.000	96.950.000	55	87
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	140.000.000	76.291.696	54	211
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	140.000.000	76.291.696	54	211
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	92.400.000	72.830.685	79	124
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	47.600.000	3.461.011	7	11
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	35.000.000	19.390.000	55	87
1	Lệ phí				
2	Phí	35.000.000	19.390.000	55	87
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.345.000.000	2.187.581.276	65	234
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.345.000.000	2.187.581.276	65	234
1	Chi quản lý hành chính (340-341)	2.627.000.000	1.704.372.382	65	329
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.550.000.000	1.398.852.082	55	130
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	77.000.000	305.520.300	397	344
6	Chi hoạt động kinh tế (280-284)	718.000.000	483.208.894	67	270
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	718.000.000	483.208.894	67	88